

DANH SÁCH SINH VIÊN K35

NHẬN HỌC BỔNG HK I

Khoa Lịch sử (năm học 2012 - 2013)

Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHSP ngày tháng

năm 2013

| STT | Họ và<br>tên               | MS SV                  | ĐT BC       | ĐR L                       | Mức học bổng | Số tiền |
|-----|----------------------------|------------------------|-------------|----------------------------|--------------|---------|
| 1   | TrầnChâ<br>Thị m           | K35<br>.602<br>.003    | 10.095<br>0 | 630, 3,15<br>000 0,00<br>0 |              |         |
| 2   | TrầnĐào<br>Thị<br>Hồn<br>g | K35<br>.602<br>.012    | 10.087<br>0 | 525, 2,62<br>000 5,00<br>0 |              |         |
| 4   | Dương<br>Tấn u             | GiàK35<br>.602<br>.017 | 10.091<br>0 | 630, 3,15<br>000 0,00<br>0 |              |         |
| 5   | Trần<br>Thị<br>Kim         | Hà K35<br>.602<br>.024 | 10.095<br>0 | 630, 3,15<br>000 0,00<br>0 |              |         |
| 6   | Phan<br>Thị<br>Thùy        | Nh K35<br>.602<br>.069 | 9.5997      | 630, 3,15<br>000 0,00<br>0 |              |         |
| 8   | Lê Thị<br>ượ<br>ng         | Ph K35<br>.602<br>.076 | 9.4196      | 630, 3,15<br>000 0,00<br>0 |              |         |
| 9   | NguyễnTh<br>Thị<br>Phương  | Th K35<br>.602<br>.088 | 9.5992      | 630, 3,15<br>000 0,00<br>0 |              |         |
| 10  | Trần<br>Thị<br>ợc          | Th K35<br>.602<br>.101 | 9.5984      | 525, 2,62<br>000 5,00<br>0 |              |         |
| 11  | Hoàng<br>Thị<br>ươ<br>ng   | Th K35<br>.602<br>.103 | 9.5987      | 525, 2,62<br>000 5,00<br>0 |              |         |
| 12  | NguyễnTra<br>Thị<br>ng     | K35<br>.602<br>.104    | 9.1291      | 630, 3,15<br>000 0,00<br>0 |              |         |
| 13  | Võ Thị<br>Thu              | Hà K35<br>.602<br>.023 | 9.4189      | 525, 2,62<br>000 5,00<br>0 |              |         |
| 16  | NguyễnNg<br>Thị<br>Nhu     | Ng K35<br>.602<br>.063 | 9.5984      | 525, 2,62<br>000 5,00<br>0 |              |         |
| 17  | Đinh<br>Thị<br>ọt          | Ng K35<br>.602<br>.066 | 9.5991      | 630, 3,15<br>000 0,00<br>0 |              |         |

|    |           |      |         |           |
|----|-----------|------|---------|-----------|
| 20 | Phạm Tu   | K35  | 9.4187  | 525, 2,62 |
|    | Thị yển.  | 602  |         | 000 5,00  |
|    | Minh      | .114 |         | 0         |
| 21 | Phạm Chi  | K35  | 9.7982  | 525, 2,62 |
|    | Thị       | .610 |         | 000 5,00  |
|    |           | .009 |         | 0         |
| 22 | Hoàng Liê | K35  | 9.1190  | 630, 3,15 |
|    | Thị n     | .610 |         | 000 0,00  |
|    |           | .057 |         | 0         |
| 23 | Trần Na   | K35  | 9.5393  | 630, 3,15 |
|    | Thị Thu   | .610 |         | 000 0,00  |
|    |           | .070 |         | 0         |
| 24 | Lại Vu    | K35  | 9.7982  | 525, 2,62 |
|    | Thúy i    | .610 |         | 000 5,00  |
|    |           | .104 |         | 0         |
| 25 | Nguyễn Xu | K35  | 9.4795  | 630, 3,15 |
|    | Thanh ân  | .610 |         | 000 0,00  |
|    |           | .107 |         | 0         |
| 26 | Nguyễn An | K35  | 9.42100 | 630, 3,15 |
|    | Thị       | .610 |         | 000 0,00  |
|    |           | .002 |         | 0         |
| 29 | Nguyễn Ho | K35  | 9.5391  | 630, 3,15 |
|    | Thị a     | .610 |         | 000 0,00  |
|    | Thanh     | .034 |         | 0         |
| 30 | Nguyễn Hồ | K35  | 9.2691  | 630, 3,15 |
|    | Ngọc a    | .610 |         | 000 0,00  |
|    |           | .036 |         | 0         |
| 32 | Ngô Lo    | K35  | 9.1191  | 630, 3,15 |
|    | Thị an    | .610 |         | 000 0,00  |
|    |           | .059 |         | 0         |
| 33 | Lê Thị Ng | K35  | 9.8991  | 630, 3,15 |
|    | Thy hĩa   | .610 |         | 000 0,00  |
|    |           | .075 |         | 0         |
| 34 | Trần Tr   | K34  | 9.89100 | 630, 3,15 |
|    | Quốc ưở   | .610 |         | 000 0,00  |
|    | ng        | .101 |         | 0         |